

PHẦN 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

CHƯƠNG V. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

“Điều khoản tham chiếu” bao gồm những nội dung chủ yếu sau:

I. Giới thiệu:

1. Khái quát về dự án:

- **Tên gói thầu:** Xây dựng quy trình, định mức kinh tế - kỹ thuật và giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và dịch vụ vệ sinh công cộng trên địa bàn tỉnh Gia Lai (Gói 3).

- **Tên nhiệm vụ:** Xây dựng quy trình, định mức kinh tế - kỹ thuật và giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và dịch vụ vệ sinh công cộng trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

- **Chủ đầu tư:** Chi cục Bảo vệ môi trường tỉnh Gia Lai

- **Địa điểm:** Tỉnh Gia Lai.

- **Hình thức lựa chọn nhà thầu:** Đấu thầu rộng rãi.

- **Phương thức lựa chọn nhà thầu:** Một giai đoạn, hai túi hồ sơ.

- **Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu:** Quý II/2026.

- **Loại hợp đồng:** Trọn gói.

- **Thời gian thực hiện hợp đồng:** 90 ngày.

- **Mục tiêu nhiệm vụ**

+ Xây dựng bổ sung các quy trình và định mức kinh tế - kỹ thuật đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và dịch vụ vệ sinh công cộng phù hợp thực tế triển khai tại từng khu vực trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

+ Xác định mức giá tối đa đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt và dịch vụ vệ sinh công cộng (áp dụng đối với chủ đầu tư, cơ sở cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH và dịch vụ vệ sinh công cộng), trừ trường hợp thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu và giá cụ thể đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt (áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, hộ gia đình, cá nhân sử dụng dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH) phù hợp cho từng khu vực và có lộ trình tăng giá phù hợp.

- **Mục đích tuyển chọn nhà thầu:** Tìm kiếm nhà thầu có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ đã được phê duyệt.

II. Phạm vi công việc:

1. Các nghị quyết, văn bản luật, nghị định, thông tư

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;
Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;
- Luật số 146/2025/QH15 về sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường;
Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023;
Luật Giá số 16/2023/QH15 ngày 19/6/2023; sửa đổi, bổ sung tại Luật số 140/2025/QH15.

Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ;

- Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025;

Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/04/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Nghị định 136/2025/NĐ-CP ngày 12/06/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/08/2025 của Chính phủ quy định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

Thông tư số 16/2021/TT-BTNMT ngày 27/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật BVMT được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật BVMT; sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Thông tư số 19/2023/TT-BLĐTBXH ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội bổ sung Danh mục nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm (điều kiện lao động loại IV) và nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm (điều kiện lao động loại VI, V);

Thông tư số 31/2023/TT-BTC ngày 25/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về Hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp BVMT;

Thông tư số 45/2024/TT-BTC ngày 01/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá;

Thông tư số 35/2024/TT-BTNMT ngày 19/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường: Ban hành quy trình kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt;

Thông tư số 36/2024/TT-BTNMT ngày 20/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật quản lý chất thải rắn sinh hoạt, quy định căn cứ cho việc lập phương án giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt;

Chỉ thị số 41/CT-TTg ngày 01/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về một số giải pháp cấp bách tăng cường quản lý chất thải rắn;

Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 07/05/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050;

Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2. Các văn bản pháp lý của tỉnh Gia Lai

Quyết định số 18/2025/QĐ-UBND ngày 03/9/2025 của UBND tỉnh Quy định phân công thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Văn bản số 7403/UBND-TH ngày 22/9/2024 của UBND tỉnh Bình Định (cũ) về việc triển khai thi hành các quy định tại Luật Giá và các văn bản quy định chi tiết Luật trên địa bàn tỉnh;

Văn bản số 5921/UBND-KT ngày 30/6/2025 của UBND tỉnh Bình Định (cũ) về việc chỉ đạo khẩn trương triển khai các nội dung liên quan đến giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh;

Văn bản số 5613/UBND-NNMT ngày 27/10/2025 về việc giá cụ thể đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.

Văn bản số 7888/UBND-NNMT ngày 12/12/2025 của UBND tỉnh về việc thực hiện nhiệm vụ Xây dựng đặc điểm, quy trình, định mức kinh tế - kỹ thuật và giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh;

Văn bản số 86/UBND-NNMT ngày 05/01/2026 của UBND tỉnh về việc thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn các xã, phường khu vực Pleiku cũ.

3. Tổng hợp các cơ sở pháp lý để đề xuất việc triển khai nhiệm vụ

- Khoản 7 Điều 73 của Luật Giá quy định: Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 79 của Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 11/2022/QH15 như sau: “6. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định chi tiết về quản lý chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn; quy định cụ thể hình thức và mức kinh phí hộ gia đình, cá nhân phải chi trả cho công tác thu

gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt dựa trên khối lượng hoặc thể tích chất thải đã được phân loại; định giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định của pháp luật về giá.”.

- Khoản 19 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường, quy định: Bổ sung khoản 4 Điều 59 như sau: *“4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức quản lý vệ sinh công cộng; quy định định mức kinh tế - kỹ thuật về vệ sinh công cộng; định giá dịch vụ vệ sinh công cộng trên địa bàn theo quy định của pháp luật về giá.”*

- Khoản 24 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường, quy định: “Sửa đổi, bổ sung khoản 7 Điều 79 như sau: *“7. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định lộ trình thực hiện quy định tại khoản 1 Điều này và khoản 1 Điều 75 của Luật này phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương; quy định định mức kinh tế - kỹ thuật về thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn.”*

- Căn cứ Luật Giá 2023, được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 140/2025/QH15, Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá và Thông tư số 45/2024/TT-BTC ngày 01/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành phương pháp định giá chênh đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá; mức giá phải đáp ứng nguyên tắc tính đúng, tính đủ cho một đơn vị khối lượng chất thải rắn sinh hoạt để thực hiện xử lý theo quy định tại khoản 25 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ; đảm bảo nguyên tắc về trợ giá sản phẩm, dịch vụ về bảo vệ môi trường theo quy định tại khoản 2 Điều 135 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và xây dựng lộ trình tăng giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải đảm bảo sau năm 2030, ngân sách nhà nước chỉ chi trả cho hoạt động xử lý rác thải; áp dụng nguyên tắc “cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân được hưởng lợi từ môi trường có nghĩa vụ đóng góp tài chính cho hoạt động bảo vệ môi trường” quy định tại khoản 06 Điều 04 của Luật bảo vệ môi trường năm 2020.

- Do đó, để công tác quản lý CTRSH, vệ sinh công cộng được thực hiện đồng bộ, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và hiện trạng hạ tầng thu gom, xử lý hiện nay trên địa bàn tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường dự kiến đề xuất cần xây dựng bổ sung các quy trình, định mức kinh tế - kỹ thuật đối với công tác thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH, vệ sinh công cộng trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Việc xây dựng bổ sung các “quy trình kỹ thuật” và “định mức kinh tế - kỹ thuật” phải phù hợp thực tế và theo hướng dẫn tại Thông tư 16/2021/TT-BTNMT ngày 27/9/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường; trong đó, cần cụ thể khối lượng công tác thực hiện theo 02 nhóm công việc như sau:

(1) Đối với các nhóm công việc đã được ban hành quy trình, định mức tại Thông tư số 35/TT-BTNMT và Thông tư số 36/TT-BTNMT: Cần rà soát, đánh giá sự phù hợp với hạ tầng thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH tại địa phương;

(2) Đối với các nhóm công việc đang triển khai nhưng chưa có định mức, đơn giá: Đề xuất bổ sung đảm bảo phù hợp với các loại CTRSH được phân loại theo quy định của UBND tỉnh.

(Chi tiết đề xuất danh mục xây dựng bổ sung các quy trình, định mức kinh tế - kỹ thuật đối với công tác thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH, vệ sinh công cộng trên địa bàn tỉnh Gia Lai tại Phụ lục 1 kèm theo).

Việc xây dựng các quy trình, định mức phải tuân thủ các nguyên tắc sau:

- Tuân thủ theo tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy trình kỹ thuật đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố/ban hành, đáp ứng yêu cầu chung về kết cấu của các loại định mức; đảm bảo tính tiên tiến, tính thống nhất và tính kế thừa (nếu có).

- Bảo đảm tính đúng, tính đủ các hao phí cần thiết để hoàn thành một quy trình và được xây dựng trên cơ sở thực tiễn vận hành, đảm bảo tính ổn định trong thời gian nhất định.

- Phương tiện/thiết bị thực hiện công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, vệ sinh công cộng trên địa bàn tỉnh phải đáp ứng các yêu cầu về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về giao thông vận tải và bảo vệ môi trường.

- Các cơ sở/khu xử lý CTRSH: đầu tư từ nguồn vốn nhà nước, đang hoạt động, đáp ứng các tiêu chuẩn môi trường.

Sau khi các quy trình, định mức kinh tế - kỹ thuật được ban hành, sẽ là cơ sở để xây dựng giá tối đa và giá cụ thể của dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH và vệ sinh công cộng trên địa bàn tỉnh Gia Lai trên nguyên tắc bảo đảm bù đắp chi phí sản xuất, kinh doanh hợp lý, hợp lệ; lợi nhuận hoặc mức tích lũy theo quy định của pháp luật phù hợp điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương.

4. Phạm vi và đối tượng của nhiệm vụ

- Phạm vi thực hiện: các xã, phường trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

- Đối tượng thực hiện: công tác thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH và vệ sinh công cộng trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Đối tượng áp dụng: các Sở, ngành, địa phương; hộ gia đình, cá nhân và tổ chức có phát sinh CTRSH; các đơn vị liên quan đến việc cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và vệ sinh công cộng trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

5. Hiện trạng phát sinh, công tác thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH trên địa bàn tỉnh

5.1. Hiện trạng phát sinh, thu gom, vận chuyển

Trong thời gian qua công tác quản lý rác thải trên địa bàn 58 xã, phường của tỉnh Bình Định (cũ) đã dần đi vào nề nếp, năng lực của các đơn vị thu gom, vận chuyển xử lý rác thải sinh hoạt được tăng cường. Công tác xã hội hóa dịch vụ thu gom, vận chuyển bước đầu đã được thực hiện; về xử lý rác thải, tỉnh Bình Định trước đây đã thực hiện thủ tục kêu gọi nhà đầu tư thực hiện dự án Nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt Long Mỹ sử dụng công nghệ đốt rác phát điện. Đối với 77 xã, phường thuộc tỉnh Gia Lai (cũ) công tác quản lý rác thải cũng có một số chuyển biến đáng kể, nhất là tại khu vực đô thị, tỷ lệ thu gom đạt 86%.

Sau khi sáp nhập, công tác quản lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Gia Lai vẫn đang duy trì ổn định. Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác thu gom vận chuyển xử lý rác thải vẫn còn tồn tại một số bất cập khó khăn: tần suất thu gom tại nông thôn thấp, có nhiều nơi tần suất chỉ 01 tuần/lần; ngân sách chi cho công tác thu gom, xử lý rác chưa đáp ứng yêu cầu; năng lực của các đơn vị thu gom, vận chuyển xử lý còn hạn chế. Ngoài ra với đặc thù địa bàn phía Tây Gia Lai có các xã vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, mật độ dân cư thấp không thể hình thành được mạng lưới thu gom, vận chuyển rác thải.

Tổng lượng rác phát sinh trên địa bàn toàn tỉnh khoảng 1.800 tấn/ngày. Tỷ lệ CTRSH được thu gom đạt 71%; trong đó, đô thị đạt 91,5%; nông thôn đạt 60%. Về tần suất thu gom: Đối với khu vực đô thị, đạt tần suất 1 lần/ngày tại các phường thuộc thành phố Quy Nhơn (cũ) và thành phố Pleiku (cũ); các đô thị khác đạt 03 - 05 lần/tuần. Khu vực nông thôn đạt thấp (từ 03 - 05 lần/tuần tại khu vực Bình Định (cũ); 01 - 03 lần/tuần tại khu vực Gia Lai (cũ). Qua theo dõi công tác quản lý CTRSH, hiện tại vẫn còn một số xã cũ không có/chưa hình thành các tổ đội thu gom rác thải (02/158 xã cũ thuộc phía Đông của tỉnh; 75/218 xã cũ thuộc phía Tây của tỉnh), đây là những địa bàn khó khăn, hộ đồng bào dân tộc thiểu số chiếm đa số.

Dự báo đến năm 2030, lượng CTRSH phát sinh trên địa bàn tỉnh khoảng 2.000 tấn/ngày. Đây là thách thức không nhỏ cần phải giải quyết trong công tác thu gom, vận chuyển xử lý rác thải trên địa bàn tỉnh.

5.2. Trang thiết bị thu gom, vận chuyển

Toàn tỉnh hiện có 145 xe ép rác chuyên dụng; trong đó, 52 xe ép rác chuyên dụng do các đơn vị tư nhân tự trang bị. Ngoài ra, còn có 43 xe tải các loại và 679 xe đẩy tay.

5.3. Công tác xử lý

Công tác xử lý CTRSH trên địa bàn tỉnh chủ yếu là hình thức chôn lấp, bên cạnh đó có một số ít đốt tiêu hủy, cụ thể:

- Có 06 bãi chôn lấp CTRSH đảm bảo hợp vệ sinh (các bãi chôn lấp hầu hết ở phía Đông của tỉnh, đặt tại các phường: Quy Nhơn Tây, Bồng Sơn và các xã: Hòa Hội, Bình Dương, Canh Vinh và Tây Sơn); 18 bãi chôn lấp không hợp vệ sinh (các bãi chôn lấp đặt tại các xã thuộc huyện Vĩnh Thạnh, huyện Hoài Ân (cũ) và các huyện, thị xã, thành phố cũ thuộc phía Tây của tỉnh).
- Đối với công nghệ đốt tiêu hủy có 05 Lò đốt CTRSH, đặt tại xã Nhơn Châu với công suất thiết kế 300 kg/giờ, xã An Hòa với công suất thiết kế 1.000 kg/giờ, tại xã Cửu An (thuộc thị xã An Khê cũ) với công suất 10 tấn/ngày, tại xã Al Bá với công suất 1,2 tấn/ngày và tại xã Chư Sê với công suất 30 tấn/ngày.

6. Thực trạng áp dụng các quy trình kỹ thuật và định mức kinh tế - kỹ thuật và các mức giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH và vệ sinh công cộng trên địa bàn tỉnh

6.1. Thực trạng áp dụng các quy trình kỹ thuật và định mức kinh tế - kỹ thuật đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) ban hành

Ngày 19/12/2024, Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) ban hành Thông tư số 35/2024/TTBTNMT ngày 19/12/2024 về quy trình kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và Thông tư số 36/2024/TT-BTNMT ngày 20/12/2024 ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt. Theo đó, Sở Tài nguyên và Môi trường (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) đã tham mưu UBND tỉnh văn bản số 4925/STNMT-CCBVMT ngày 27/12/2024 về việc triển khai áp dụng 02 thông tư nêu trên để xây dựng Phương án giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn; đồng thời, đề xuất UBND tỉnh giao UBND các huyện, thị xã, thành phố (trước đây) trong “*trường hợp địa phương điều chỉnh quy trình kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và định mức kinh tế - kỹ*

thuật thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt so với 02 Thông tư nêu trên, địa phương xây dựng văn bản quy phạm pháp luật cho quy trình kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn và trình UBND tỉnh phê duyệt để áp dụng”¹.

Thời gian qua, không có địa phương tham mưu đề xuất bổ sung quy trình kỹ thuật và định mức kinh tế - kỹ thuật phù hợp theo thực tế. Tuy nhiên, trong quá trình Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp nhận và thẩm định các Phương án giá tối đa đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh nhận thấy một số nội dung công việc thuộc quy trình kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt nhưng chưa được quy định tại Thông tư số 35/2024/TTBTNMT và định mức kinh tế - kỹ thuật tại Thông tư số 36/2024/TTBTNMT, cụ thể như:

- Các công tác duy trì vệ sinh công cộng: duy trì vệ sinh đường phố ban ngày bằng thu công, công tác quét, thu gom rác đường phố bằng thủ công, duy trì thủ công rải phân cách, duy trì nhà vệ sinh công cộng, duy trì vệ sinh bãi biển,...

- Công tác thu gom thủ công CTRSH từ các dụng cụ lưu chứa trên cơ sở, tàu thuyền neo đậu trên biển lên phương tiện thu gom, vận chuyển đến điểm tập kết (trên bờ);

- Vận hành cơ sở xử lý nước thải công suất $> 300 \text{ m}^3/\text{ngày}$ đến $\leq 500 \text{ m}^3/\text{ngày}$ bằng công nghệ xử lý sinh học kết hợp hóa lý có sử dụng tháp Stripping 2 bậc đạt QCVN 25:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của bãi chôn lấp chất thải rắn, cột B1 (Trạm xử lý nước rỉ rác Long Mỹ, công suất $400 \text{ m}^3/\text{ngày}$);...

Đồng thời, theo quy định tại khoản 3 Điều 37 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; trong đó phân quyền cho UBND cấp tỉnh thực hiện “Quy định định mức kinh tế, kỹ thuật về thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH trên địa bàn tỉnh quy định tại khoản 5 Điều 79 Luật Bảo vệ môi trường”. Ngoài ra, quy trình thực hiện vệ sinh công cộng cũng đã được Chính phủ giao trách nhiệm cho UBND cấp tỉnh thực hiện tại Nghị quyết số 394/NQ-CP ngày 03/12/2025 về phát động phong trào toàn dân tham gia bảo vệ môi trường; giảm thiểu phát sinh, phân loại, thu gom, xử lý rác thải vì một Việt Nam sáng – xanh – sạch – đẹp”; trong đó, giao UBND các

¹ Được UBND tỉnh thống nhất cho chủ trương tại văn bản số 10635/UBND-KT ngày 31/12/2024.

tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương: “khẩn trương ban hành các văn bản triển khai thi hành Luật Bảo vệ môi trường thuộc phạm vi trách nhiệm được giao, trong đó tập trung vào quản lý rác thải, vệ sinh công cộng; định mức KTKT về thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải và vệ sinh công cộng....”.

6.2. Thực trạng xây dựng Phương án giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và bất cập trong áp dụng các mức giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH, vệ sinh công cộng hiện hành

a. Về lập Phương án giá tối đa đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt:

+ Đối với địa bàn phía Đông tỉnh: Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại các Văn bản: số 04/UBND-KT ngày 02/01/2025, số 2625/UBND-KT ngày 02/4/2025, số 4765/UBND-KT ngày 05/6/2025, số 5921/UBND-KT ngày 30/6/2025, đến nay, hầu hết các địa phương thuộc phía Đông tỉnh đã gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tham gia ý kiến, trừ Hoài Ân và Quy Nhơn (do 06 xã/phường thuộc thành phố Quy Nhơn cũ đang thực hiện theo gói thầu thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đến hết năm 2026 mới hết hạn hợp đồng).

+ Đối với địa bàn phía Tây tỉnh: Sau khi sáp nhập, tại Thông báo số 64/TB-UBND ngày 16/7/2025 về thông báo ý kiến kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh Phạm Anh Tuấn đã chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường “theo dõi, đôn đốc UBND cấp xã khẩn trương hoàn thành nhiệm vụ Xây dựng Giá tối đa đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH trên toàn tỉnh”; đến nay, có Giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn các xã: Biền Hồ, Gào và các phường: Pleiku, Diên Hồng, Thống Nhất, Hội Phú, An Phú (theo Quyết định số 3126/QĐ-UBND ngày 21/12/2025 của UBND tỉnh) và có Ban quản lý Công trình đô thị và vệ sinh môi trường xã Chư Sê nộp Phương án giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt về Sở Nông nghiệp và Môi trường để thẩm định.

Có thể thấy, hầu hết các địa phương thuộc phía Tây tỉnh còn lúng túng trong quá trình xây dựng Phương án giá tối đa đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt dẫn đến chậm trong việc tham mưu UBND tỉnh định giá tối đa của dịch vụ trên, thiếu cơ sở để UBND cấp xã thực hiện đấu thầu, đặt hàng/giao nhiệm vụ, làm cơ sở để hỗ trợ, chi trả cho dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt. Do đó, cần thiết đề xuất UBND tỉnh cho chủ trương thực hiện việc

“*Lựa chọn tối thiểu các tổ chức cung ứng dịch vụ trên địa bàn tỉnh để lập phương án giá, làm cơ sở trình UBND tỉnh định giá tối đa (giá chi trả cho đơn vị thực hiện) áp dụng chung trên địa bàn toàn tỉnh Gia Lai mới*” theo quy định tại điểm đ Khoản 1 Điều 9 của Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 và “*việc lựa chọn tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hoá, dịch vụ thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều này*” như sau: **“Trường hợp cơ quan có thẩm quyền định giá thực hiện định giá chung cho tất cả các tổ chức, cá nhân thực hiện: Trường hợp có từ 03 tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hoá, dịch vụ trở xuống thì yêu cầu tất cả các tổ chức, cá nhân lập phương án giá. Trường hợp có nhiều hơn 03 tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hoá, dịch vụ thì số lượng tổ chức, cá nhân được lựa chọn phù hợp với thực tế thị trường theo các tiêu chí doanh thu, thị phần và các tiêu chí khác về đặc thù ngành, lĩnh vực của hàng hoá, dịch vụ nhưng tối thiểu phải lựa chọn từ 03 tổ chức, cá nhân trở lên.**

Trường hợp cơ quan có thẩm quyền định giá thực hiện định giá cho từng tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hoá, dịch vụ: Từng tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hoá, dịch vụ phải lập phương án giá”.

Sau sáp nhập, trên địa bàn tỉnh Gia Lai có hơn 100 tổ chức, cá nhân đang thực hiện cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, vệ sinh công cộng với nhiều quy trình thu gom, vận chuyển và công nghệ xử lý khác nhau. Do đó, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã có các văn bản số 979/SNNMT-BVMT ngày 28/01/2026 về việc tham gia ý kiến và đề xuất đối với việc xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật trên địa bàn tỉnh Gia Lai; sau khi tổng hợp các đề xuất xây dựng bổ sung các quy trình, định mức kinh tế - kỹ thuật còn thiếu, Sở Nông nghiệp và Môi trường triển khai việc mời các đơn vị cung ứng dịch vụ trên địa bàn tham gia xây dựng Phương án giá dịch vụ theo đúng thực tế của đơn vị đang triển khai và tham mưu UBND tỉnh chủ trương lựa chọn các đơn vị này lập phương án giá, làm cơ sở “*trình UBND tỉnh định giá tối đa và giá cụ thể áp dụng chung trên địa bàn toàn tỉnh Gia Lai mới*”.

b. Một số khó khăn, bất cập trong áp dụng các mức giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH, vệ sinh công cộng hiện hành

Trước đây, UBND tỉnh Gia Lai (cũ) ban hành đơn giá cụ thể cho dịch vụ thu gom, vận chuyển CTRSH áp dụng chung cho toàn tỉnh từ năm 2017² đến nay và không còn phù hợp.

- Đối với địa bàn tỉnh Bình Định (cũ), trước đây đã ban hành giá dịch vụ thu gom, vận chuyển CTRSH áp dụng chung cho toàn tỉnh tại Quyết định số 84/2016/QĐ-UBND ngày 21/12/2016. Sau đó, căn cứ tình hình, điều kiện kinh tế - xã hội, đời sống của người dân, các huyện, thị xã, thành phố (cũ) đã tham mưu UBND tỉnh ban hành mức giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH theo hướng tăng và có lộ trình để không gây biến động lớn (An Nhơn, Quy Nhơn, Tuy Phước, Phù Cát, Phù Mỹ,...); nhiều địa phương đang áp dụng các Quyết định ban hành mức giá thu dân đến năm 2025, như các huyện An Lão³, Hoài Ân⁴ và thị xã Hoài Nhơn (cũ). Riêng 07 phường thuộc thị xã Hoài Nhơn (cũ) đang áp dụng giá thu hộ gia đình, cá nhân, tổ chức theo Quyết định số 4395/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND tỉnh ban hành giá dịch vụ thu gom, vận chuyển CTRSH trên địa bàn thị xã Hoài Nhơn được định giá theo quy định của Luật Giá 2023 và Thông tư số 45/2024/TT-BTC ngày 01/7/2024.

Qua rà soát, nhiều mức giá cụ thể dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH được ban hành từ lâu, đến nay không còn phù hợp thực tế và chưa đảm bảo đồng bộ giữa các địa phương (cùng khu vực đô thị, miền núi,...) trong tỉnh. Đồng thời, việc xây dựng và ban hành mức giá cụ thể trên chưa đảm bảo tuân thủ theo quy định các quy định hiện hành.

Do đó, việc triển khai thực hiện Nhiệm vụ ***“Xây dựng quy trình, định mức kinh tế - kỹ thuật và giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và dịch vụ vệ sinh công cộng trên địa bàn tỉnh Gia Lai”*** là cần thiết và

² Quyết định số 15/2017/QĐ-UBND ngày 16/3/2017 của UBND tỉnh về việc ban hành giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh.

³ Quyết định số 28/2023/QĐ-UBND ngày 12/6/2023 của UBND tỉnh quy định giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn các xã An Hòa, An Tân và thị trấn An Lão, huyện An Lão, tỉnh Bình Định lộ trình 03 năm (2023 - 2025).

⁴ Quyết định số 59/2023/QĐ-UBND ngày 22/9/2023 của UBND tỉnh về quy định mức giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển CTRSH trên địa bàn huyện Hoài Ân cho lộ trình 03 năm (2023–2025).

cấp bách. Kết quả nhiệm vụ làm cơ sở để ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật, mức giá cụ thể đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương; mức giá cụ thể phải được tính đúng, tính đủ, bao gồm: thu gom, vận chuyển, xử lý, chi phí quản lý và các chi phí môi trường liên quan,...; đảm bảo nguyên tắc về trợ giá sản phẩm, dịch vụ về bảo vệ môi trường theo quy định tại khoản 2 Điều 135 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và xây dựng lộ trình tăng giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải đảm bảo sau năm 2030, ngân sách nhà nước chỉ chi trả cho hoạt động xử lý rác thải; áp dụng nguyên tắc “*cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân được hưởng lợi từ môi trường có nghĩa vụ đóng góp tài chính cho hoạt động bảo vệ môi trường*” (khoản 06 Điều 04 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020) và khuyến khích áp dụng nguyên tắc “*người gây ô nhiễm trả tiền*”; qua đó, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và trách nhiệm của cộng đồng dân cư trong công tác quản lý CTRSH; hoàn thiện các quy định, chính sách về quản lý, xử lý CTRSH trên địa bàn tỉnh.

III. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP THỰC HIỆN

1. Nội dung thực hiện nhiệm vụ

1.1. Nội dung cơ bản

- Xây dựng các quy trình và định mức kinh tế - kỹ thuật công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, vệ sinh công cộng trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

- Phối hợp với các đơn vị cung ứng dịch vụ trên địa bàn xây dựng Phương án giá tối đa đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt và dịch vụ vệ sinh công cộng (áp dụng đối với chủ đầu tư, cơ sở cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH và dịch vụ vệ sinh công cộng), trừ trường hợp thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

- Xây dựng giá cụ thể đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt (áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, hộ gia đình, cá nhân sử dụng dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH) phù hợp cho từng khu vực và có lộ trình tăng giá phù hợp.

1.2. Nội dung chi tiết cần thực hiện

Bước 1: Thu thập, rà soát, tổng hợp và phân tích các cơ sở pháp lý có liên quan đến quy trình, định mức kinh tế - kỹ thuật và đánh giá chung về giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và vệ sinh công cộng trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Nội dung và hình thức thực hiện:

Thu thập các văn bản pháp lý, nghị định, thông tư, quy định liên quan đến quy trình, định mức kinh tế - kỹ thuật và giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và vệ sinh công cộng trên địa bàn tỉnh Gia Lai (công nhóm 1).

- Đánh giá và tổng hợp dữ liệu (công nhóm 3, công nhóm 4 và công KS3)

Bước 2: Điều tra và khảo sát hiện trạng thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH và vệ sinh công cộng.

Nội dung và hình thức thực hiện:

Lựa chọn 30 xã/phường thu thập thông tin hiện trạng thu gom, vận chuyển, xử lý và quản lý CTRSH để phục vụ xây dựng quy trình, định mức kinh tế - kỹ thuật và giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và dịch vụ vệ sinh công cộng trên địa bàn tỉnh Gia Lai (Ngoại nghiệp 1, công KS2).

Phân tích, xác định tên, thành phần công việc và đơn vị tính của các định mức cần xây dựng (*danh mục sơ bộ tại Phụ lục 1 đính kèm theo*); xác định các thành phần hao phí, tổng hợp tính toán định mức, biên soạn dự thảo kết quả xây dựng định mức dựa trên kết quả khảo sát thực tế và kết quả tính toán sơ bộ ban đầu, lấy ý kiến góp ý của các đơn vị có liên quan. Xây dựng mẫu phiếu khảo sát thu thập thông tin, số liệu cần thiết để tính toán định mức; tổ chức thu thập số liệu, điều tra, khảo sát hiện trường và làm việc với đại diện của 20 đơn vị cung ứng dịch vụ để thu thập, ghi nhận các thông tin, số liệu phục vụ xây dựng định mức;

Lựa chọn 05 đơn vị cung ứng để điều tra công tác thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH và dịch vụ vệ sinh công cộng trên địa bàn tỉnh (lựa chọn 05 đơn vị, (02 công nhóm 3/đơn vị cung ứng)).

Tổng hợp và phân tích dữ liệu thu thập được (công KS3, công nhóm 3, công KS4).

Bước 3. Phân tích, tổng hợp và xây dựng bổ sung các quy trình, định mức kinh tế - kỹ thuật công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt và dịch vụ vệ sinh công cộng.

Nội dung và hình thức thực hiện:

Phân tích và đánh giá các quy trình, định mức kinh tế - kỹ thuật công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt và dịch vụ vệ sinh công cộng đang áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai (công KS2).

Đề xuất bổ sung các quy trình, định mức kinh tế - kỹ thuật công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt và dịch vụ vệ sinh công cộng đang áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai (công nhóm 3).

So sánh quy trình, định mức đề xuất bổ sung và các địa phương tương đồng nhằm đảm bảo tính hợp lý và khả thi (công nhóm 2).

Rà soát các yếu tố ảnh hưởng đến sự khác nhau về quy trình, định mức giữa các địa phương (công nhóm 4).

Đánh giá tính phù hợp của quy trình, định mức và giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt, dịch vụ vệ sinh công cộng trên địa bàn tỉnh Gia Lai (công nhóm 3).

Bước 4: Xử lý số liệu điều tra, khảo sát.

Nội dung và hình thức thực hiện: Tổng hợp, xử lý toàn bộ số liệu của các đợt điều tra, khảo sát, bao gồm:

- Điều tra về đặc điểm điều kiện tự nhiên, KT-XH.
- Điều tra tình hình thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH tại các sở, ban, ngành và 135 UBND cấp xã.
- Thông tin, số liệu khảo sát, làm việc tại 30 địa bàn cấp xã và lựa chọn 20 đơn vị cung ứng để lấy ý kiến.
- Khảo sát thực tế, làm việc với 05 đơn vị cung ứng, dịch vụ.

Bước 5: Xây dựng các quy trình, định mức kinh tế - kỹ thuật

Nội dung và hình thức thực hiện:

Dựa trên kết quả xử lý số liệu điều tra để tổng hợp, thống kê, phân loại, xử lý số liệu thu thập được để xác định các thành phần hao phí, tổng hợp tính toán định mức mới hoặc điều chỉnh, bổ sung thành phần hao phí định mức cho phù hợp với

quy định (khoảng 20 quy trình, định mức; trong đó: rà soát 05 quy trình, định mức đã ban hành và xây dựng mới 15 quy trình, định mức).

Bước 6: Lấy ý kiến góp ý các quy trình, định mức kinh tế - kỹ thuật

Nội dung và hình thức thực hiện:

- Tổ chức 01 hội thảo với sự tham gia của các chuyên gia, cơ quan quản lý, các đơn vị cung ứng dịch vụ, đại diện chính quyền các địa phương để lấy ý kiến đóng góp đối với dự thảo các quy trình, định mức kinh tế - kỹ thuật mới;

- Lấy ý kiến góp ý của các sở, ngành và địa phương bằng văn bản;

- Đăng tải công khai trên Cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh và trên Website Sở Nông nghiệp và Môi trường để lấy ý kiến tham gia rộng rãi của các tổ chức, cá nhân.

Bước 7: Trình UBND tỉnh ban hành Quyết định theo hình thức quy phạm pháp luật

Nội dung và hình thức thực hiện:

- Xây dựng báo cáo tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến đối với dự thảo Quyết định của UBND tỉnh ban hành Quy định các quy trình, định mức kinh tế - kỹ thuật.

- Dự thảo và trình UBND tỉnh ban hành Quyết định.

Bước 8: Tổng hợp và đề xuất giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt và dịch vụ vệ sinh công cộng.

Nội dung và hình thức thực hiện:

Phối hợp với 05 đơn vị cung ứng dịch vụ thực hiện xây dựng 05 phương án giá đảm bảo tính đại diện các toàn bộ các quy trình, định mức phù hợp với thực tế trên địa bàn tỉnh (công nhóm 2).

Tổng hợp thông tin, các dữ liệu, số liệu để xác định bảng giá vật liệu; dụng cụ lao động; nhiên liệu, năng lượng; Bảng tiền lương công nhân; Bảng giá ca máy thiết bị trên địa bàn thành phố và các khoản mục chi phí gián tiếp có liên quan để tính toán bộ đơn giá.

Lấy Chứng thư thẩm định giá vật liệu để đưa vào xây dựng Phương án giá.

Bước 9: Điều tra hiện trạng phát sinh CTRSH, nhu cầu người dân được cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH và mức sẵn lòng chi trả, lộ trình tăng giá dịch vụ (ngoại nghiệp 2)

Nội dung và hình thức thực hiện: Thu thập 300 phiếu điều tra (10 phiếu/địa bàn cấp xã); trong đó, lựa chọn 30 địa phương thuộc nhiều khu vực khác nhau: đô thị, nông thôn, miền núi,....

Bước 10: Đề xuất giá tối đa đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH, dịch vụ vệ sinh công cộng trên địa bàn tỉnh

Nội dung và hình thức thực hiện:

Tổng hợp, đánh giá và phân tích các phương án giá tối đa đang áp dụng tại các cơ sở thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH và dịch vụ vệ sinh công cộng trên địa bàn tỉnh.

Căn cứ vào danh mục định mức đã được xây dựng lập danh mục các công tác để tính toán các bộ đơn giá.

Phân tích, tính toán và xây dựng đơn giá dựa trên chi phí quản lý, thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH, dịch vụ vệ sinh công cộng trên địa bàn tỉnh.

Phối hợp đơn vị cung ứng dịch vụ xây dựng giá tối đa cho từng loại công nghệ xử lý theo thực tế tại địa phương (*cấu trúc Quyết định định giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH, dịch vụ vệ sinh công cộng tại Phụ lục 2 đính kèm theo*).

Bước 11: Đề xuất giá cụ thể đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH

Nội dung và hình thức thực hiện:

- Tổng hợp, xây dựng giá cụ thể phù hợp cho từng khu vực (đô thị, nông thôn), miền núi, vùng sâu, vùng xa;

- Phân tích, tính toán mức sẵn lòng chi trả đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH tại tỉnh;

Xác định lộ trình tăng giá phù hợp nhằm đưa dần mức giá thu dân về đồng bộ giữa các khu vực tương đồng, không gây biến động, phù hợp với điều kiện kinh

tế - xã hội của từng khu vực, vùng, miền và mức thu nhập, đời sống của người dân và đảm bảo hài hòa giữa các địa phương trong tỉnh và đề xuất phương án hỗ trợ giá đối với các đối tượng đặc biệt.

Tổng hợp và đề xuất giá cụ thể dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Gia Lai (công nhóm 3).

Đề xuất mức giá cụ thể cho 02 nhóm đối tượng sau:

+ Nhóm đối tượng chi trả giá dịch vụ theo nguyên tắc có sự bù đắp thông qua ngân sách địa phương bao gồm: hộ gia đình, cá nhân và các chủ nguồn thải quy định tại khoản 1 Điều 58 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ lựa chọn hình thức quản lý CTRSH như cá nhân, hộ gia đình; trong đó, đề xuất chính sách đặc thù hỗ trợ gia đình chính sách, hộ có hoàn cảnh khó khăn, người dân tộc thiểu số và miền núi có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn.

+ Nhóm đối tượng phải trả giá dịch vụ trên nguyên tắc tính đúng, tính đủ chi phí cho hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH bao gồm: các chủ nguồn thải quy định tại khoản 2 Điều 58 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và các chủ nguồn thải quy định tại khoản 1 Điều 58 chọn hình thức quản lý CTRSH như chủ nguồn thải theo khoản 2 Điều 58 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

(Cấu trúc dự thảo Quyết định giá cụ thể đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH tại Phụ lục 3 đính kèm theo)

Bước 12: Lấy ý kiến đối với giá tối đa và giá cụ thể

Nội dung và hình thức thực hiện:

Tổ chức Hội thảo tham vấn ý kiến các Sở, ban, ngành, địa phương và đơn vị liên quan bộ đơn giá đối với công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và dịch vụ vệ sinh công cộng trên địa bàn tỉnh.

- Lấy ý kiến góp ý của các sở, ngành và địa phương bằng văn bản;

Đăng tải công khai trên Cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh và trên Website Sở Nông nghiệp và Môi trường để lấy ý kiến tham gia rộng rãi của các tổ chức, cá nhân.

Bước 13: Hoàn thiện dự thảo Quyết định phê duyệt bộ đơn giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và dịch vụ vệ sinh công cộng trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Nội dung và hình thức thực hiện:

- Xây dựng báo cáo tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến đối với dự thảo Quyết định của UBND tỉnh ban hành giá tối đa đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt và dịch vụ vệ sinh công cộng (áp dụng đối với chủ đầu tư, cơ sở cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH và dịch vụ vệ sinh công cộng), trừ trường hợp thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu và đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt (áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, hộ gia đình, cá nhân sử dụng dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH) trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

- Hoàn thiện Dự thảo Quyết định.

Bước 14. Nghiệm thu nhiệm vụ

Nội dung và hình thức thực hiện:

- Xây dựng Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ.

- Tổ chức cuộc họp nghiệm thu.

2. Phương pháp thực hiện

2.1. Phương pháp kế thừa

Đây là phương pháp sử dụng và kế thừa những tài liệu đã có liên quan đến việc xây dựng nhiệm vụ bao gồm:

Thu thập, kế thừa các thông tin, tài liệu, số liệu có liên quan đến Nhiệm vụ Xây dựng quy trình, định mức kinh tế - kỹ thuật và giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH và dịch vụ vệ sinh công cộng trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Thu thập, kế thừa các kết quả thực hiện của các chương trình, đề tài khoa học trong nước và nước ngoài, các nhiệm vụ có tính chất tương tự tại các địa phương khác;

Thu thập và rà soát các tài liệu về pháp luật, các chính sách, các quy định và các chương trình hành động áp dụng có liên quan đến thực hiện Nhiệm vụ.

Các tài liệu, dữ liệu sẵn có sẽ được xem xét, chọn lọc để sử dụng thích hợp cho từng nội dung thực hiện. Lợi ích của phương pháp này là tiết kiệm được thời gian, kinh phí thực hiện thông qua việc giảm thời gian trong việc thực hiện lại những vấn đề đã được thực hiện trước đây, tránh được sự chồng chéo thông tin khi xây dựng báo cáo.

2.2. Phương pháp thống kê, phân tích và xử lý số liệu

Rà soát, thu thập và tổng hợp các tài liệu có liên quan đến khu vực thực hiện, để đánh giá về đặc điểm KT-XH, định hướng phát triển kinh tế của địa phương.

Thu thập, rà soát dữ liệu, thông tin, các văn bản quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt và các hồ sơ, căn cứ để tính toán giá tối đa đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt .

Thu thập, hệ thống hoá các số liệu sẵn có từ các cơ quan Trung ương và của tỉnh, của ngành hình thành các cơ sở dữ liệu chuyên đề theo định hướng các nội dung của Nhiệm vụ.

Toàn bộ các số liệu thu thập được thực hiện trên các bảng biểu và đồ thị. Số liệu được quản lý và phân tích với phần mềm Microsoft Excel và phần mềm soạn thảo văn bản Microsoft Word.

Sắp xếp, tính toán và phân tích các dữ liệu đã thu thập (tài liệu thu thập, số liệu từ khảo sát, các thông tin và số liệu thống kê, phỏng vấn,...) nhằm rút ra thông tin, nhận xét hoặc kết luận khoa học phục vụ cho nghiên cứu hay báo cáo.

Tổng hợp và viết báo cáo tổng hợp kết quả.

2.3. Phương pháp điều tra theo mẫu phiếu

Nhiệm vụ sẽ sử dụng phương pháp phỏng vấn trực tiếp kết hợp điều tra thông tin các đối tượng qua bảng câu hỏi đã được xây dựng sẵn. Việc thu thập trực tiếp thông qua ghi nhận thông tin và khảo sát thực tế các đối tượng sẽ giúp thu thập, quan sát và nhận định vấn đề một cách trực quan. Căn cứ vào nội dung, mục tiêu của Nhiệm vụ sẽ thu thập thông tin đối với 03 đối tượng sau:

+ Cơ quan quản lý địa phương, các thông tin thu thập, kế thừa gồm: nguồn phát sinh; thành phần; khối lượng phát sinh; khối lượng thu gom và xử lý; các đơn vị thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH trên địa bàn phường, xã; giá thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH đang áp dụng trên địa bàn; các khó khăn, bất cập trong quá trình áp dụng lệ phí thu gom, vận chuyển và xử lý hiện tại; các giải pháp và đề xuất liên quan...

Đơn vị cung ứng dịch vụ:

+ Đơn vị thu gom, vận chuyển: thành phần; khối lượng thu gom; khu vực thu gom; thời gian thu gom; phương tiện và trang thiết bị thu gom, vận chuyển; tuyến đường thu gom; trạm trung chuyển; hình thức thu gom, vận chuyển của đơn vị; khó khăn vướng mắc trong quá trình thu gom; chi phí thu gom tối đa đang áp dụng và tính toán, cập nhật chi phí thu gom, vận chuyển tối đa mới; những khó khăn, bất cập trong quá trình áp dụng chi phí thu gom, vận chuyển hiện tại,...

+ Đơn vị xử lý: thành phần; khối lượng xử lý; công suất xử lý; phương tiện và trang thiết bị thu gom, vận chuyển về cơ sở xử lý; công nghệ xử lý; các biện pháp kiểm soát ô nhiễm môi trường tại cơ sở; chi phí thu gom tối đa đang áp dụng và tính toán, cập nhật chi phí xử lý tối đa mới; những khó khăn, bất cập trong quá trình áp dụng chi phí xử lý hiện tại...

Hộ gia đình, cá nhân, cơ sở sản xuất, kinh doanh, cụm công nghiệp: thành phần; khối lượng phát sinh; thành phần phát sinh; tình hình phân loại và lưu chứa đang áp dụng; đơn vị phụ trách thu gom, vận chuyển; lệ phí chi trả cho thu gom; đánh giá và nhận xét về công tác thu gom và áp dụng lệ phí thu gom hiện tại; mức độ hài lòng về lệ phí thu gom đang áp dụng;...

Các số liệu, thông tin sơ cấp và thứ cấp sẽ được thống kê bằng Excel và trình bày ở dạng bảng, biểu và sơ đồ. Từ các thông tin này có thể đánh giá được tình hình phát sinh và xử lý CTRSH, vệ sinh công cộng trên địa bàn tỉnh.

2.4. Phương pháp điều tra thực địa

Khảo sát thực tế hiện trạng hoạt động của các cơ sở thu gom và vận chuyển rác thải, các bãi rác, các nhà máy xử lý, lò đốt CTRSH trên địa bàn tỉnh.

Nghiên cứu, đánh giá quy trình vận hành, các hồ sơ được cung cấp để xác định các thông số đầu vào phục vụ tính toán và xây dựng giá thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH trên địa bàn tỉnh.

2.5. Phương pháp chuyên gia

Phương pháp này sử dụng kiến thức và kinh nghiệm thực tế của các chuyên gia để phân tích, đánh giá hiện trạng từ đó xây dựng giá cụ thể đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH trên địa bàn tỉnh Gia Lai phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

2.6. Phương pháp xác định định mức kinh tế - kỹ thuật

Theo Thông tư số 36/2024/TT-BTNMT ngày 20/12/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) về việc ban hành định mức kinh tế - kỹ

thuật thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH, phương pháp tính toán định mức kinh tế - kỹ thuật thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH được trình bày như sau:

Xác định định mức lao động

Định mức lao động được xác định theo công thức sau:

$$ĐM_{LD} = \frac{T_{LD}}{Q_{KL} \times 8}$$

Trong đó:

ĐM_{LD}: Định mức lao động (đơn vị tính: công/tấn, km, chuyển, m³, điểm,...);

T_{LD}: Thời gian nhân công (công nhóm hoặc công đơn) thực hiện để hoàn thành một nội dung công việc hoặc một công đoạn (đơn vị tính: giờ);

Q_{KL}: Khối lượng công việc hoàn thành (đơn vị tính: tấn, km, chuyển, m³, điểm...).

❖ *Xác định định mức sử dụng máy móc, thiết bị*

Định mức sử dụng máy móc, thiết bị được xác định theo công thức sau:

$$ĐM_M = \frac{Q_M \times T_M}{Q_{KL} \times 8}$$

Trong đó:

- ĐM_M: Định mức sử dụng máy móc, thiết bị (đơn vị tính: ca/tấn, km, chuyển, m³, điểm,...).

- Q_M: Số lượng máy móc, thiết bị sử dụng để hoàn thành một nội dung công việc hoặc một công đoạn (đơn vị tính: cái, thiết bị, hệ thống);

- T_M: Thời gian máy móc, thiết bị sử dụng để hoàn thành một nội dung công việc hoặc một công đoạn (đơn vị tính: giờ);

- Q_{KL}: Khối lượng công việc hoàn thành (đơn vị tính: tấn, km, chuyển, m³, điểm...).

❖ *Xác định định mức dụng cụ lao động*

Định mức dụng cụ lao động được xác định theo công thức sau:

$$ĐM_{DC} = \frac{Q_{DC} \times T_{DC}}{Q_{KL} \times 8}$$

Trong đó:

- ĐM_{DC}: Định mức dụng cụ lao động (đơn vị tính: ca/tấn, km, chuyển, m³, điểm...);

- Q_{DC} : Số lượng dụng cụ lao động sử dụng (đơn vị tính: cái, bộ, đôi, kg...);
- T_{DC} : Thời hạn sử dụng dụng cụ lao động để hoàn thành một nội dung công việc hoặc một công đoạn (đơn vị tính: giờ);
- Q_{KL} : Khối lượng công việc hoàn thành trong khoảng thời hạn sử dụng dụng cụ lao động (đơn vị tính: tấn, km, chuyến, m^3 , điểm...).

❖ **Xác định định mức tiêu hao vật liệu**

Định mức tiêu hao vật liệu được xác định theo công thức sau:

$$\text{ĐM}_{VL} = \frac{Q_{VL}}{Q_{KL}}$$

Trong đó:

- ĐM_{VL} : Định mức tiêu hao vật liệu (đơn vị tính: cái, bộ, lít, kg.../tấn, km, chuyến, m^3 , điểm...);
- Q_{VL} : Khối lượng vật liệu sử dụng để hoàn thành một nội dung công việc hoặc một công đoạn (đơn vị tính: cái, bộ, lít, kg...);
- Q_{KL} : Khối lượng công việc hoàn thành (đơn vị tính: tấn, km, chuyến, m^3 , điểm...).

❖ **Xác định định mức tiêu hao năng lượng, nhiên liệu**

Định mức tiêu hao năng lượng, nhiên liệu được xác định theo công thức sau:

$$\text{ĐM}_{NL} = Q_{NL} \times \text{ĐM}_M$$

Trong đó:

- ĐM_{NL} : Định mức tiêu hao năng lượng, nhiên liệu của máy móc, thiết bị (đơn vị tính: lít, kWh/tấn, km, chuyến, m^3 ,...).
- Q_{NL} : Mức năng lượng, nhiên liệu sử dụng trung bình trong một ca sử dụng (đơn vị tính: lít, kWh).
- ĐM_M : Định mức sử dụng máy móc, thiết bị trong một ca sử dụng (đơn vị tính: ca).

3. Tiến độ thực hiện

Thời gian thực hiện nhiệm vụ: 06 tháng, chi tiết thực hiện các nội dung công việc được trình bày như sau:

Bảng 3.1. Tổng hợp tiến độ thực hiện xây dựng quy trình, định mức kinh tế - kỹ thuật đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH và dịch vụ vệ sinh công cộng

TT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	THÁNG THỨ		
		1	2	3
1	Thu thập thông tin và tài liệu liên quan từ các sở, ban, ngành và các đơn vị cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH, dịch vụ vệ sinh công cộng trên địa bàn tỉnh			
2	Rà soát và đánh giá định mức, giá dịch vụ hiện tại đang áp dụng trên địa bàn tỉnh và đề xuất các định mức xây dựng bổ sung			
3	- Rà soát, kiểm tra, phân loại dữ liệu, các số liệu đã thu thập được. Sử dụng phần mềm tính toán và dự thảo kết quả tính toán và xây dựng định mức kinh tế – kỹ thuật thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH. - Xây dựng giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH trên địa bàn tỉnh đối với các quy trình đã có định mức			
4	Hội thảo lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị và tổ chức liên quan về định mức mới sau khi xây dựng			
5	Xây dựng giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH, dịch vụ vệ sinh công cộng trên địa bàn tỉnh đối với các định mức mới			
6	Gửi Sở Tư pháp hồ sơ thẩm định và trình UBND tỉnh dự thảo Quyết định ban hành định mức kinh tế kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH, vệ sinh công cộng trên địa bàn tỉnh Gia Lai			
7	Tổ chức hội thảo chuyên gia lấy ý kiến đối với mức giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH và dịch vụ vệ sinh công cộng được đề xuất			
8	Lập báo cáo tổng kết và dự thảo Quyết định ban hành giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH và dịch vụ vệ sinh công cộng trên địa bàn tỉnh			
9	Thực hiện nghiệm thu, bàn giao sản phẩm			

IV. Báo cáo và thời gian thực hiện:

1. Thời gian thực hiện: 90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

2. Tiến độ báo cáo:

Nhà thầu phải báo cáo Chủ đầu tư về kết quả thực hiện theo từng bước công việc cụ thể và phải cung cấp tài liệu sản phẩm và cử nhân sự để phục vụ kiểm tra, nghiệm thu theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

V. Kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu:

Đáp ứng điều kiện quy định tại Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT

VI. Trách nhiệm của Chủ đầu tư:

- Chủ đầu tư có trách nhiệm:

+ Phối hợp, trao đổi trực tiếp và tạo điều kiện tối đa cho nhà thầu trong quá trình thực hiện hợp đồng;

+ Phối hợp với các đơn vị liên quan nhằm tạo điều kiện thuận lợi để nhà thầu thực hiện hợp đồng đạt kết quả yêu cầu.

+ Hỗ trợ nhà thầu về pháp lý, cung cấp các tài liệu liên quan theo thẩm quyền để tạo điều kiện thuận lợi cho nhà thầu thực hiện nhiệm vụ của mình.